

Luận văn

Thực trạng hoạt động của
công ty cổ phần vải sợi may
mặc Miền Bắc

Nội dung

A- Những đặc điểm kinh tế kỹ thuật của công ty cổ phần vải sợi may mặc Miền Bắc:

1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty:

Công ty cổ phần vải sợi may mặc Miền Bắc được thành lập theo quyết định số 1439/ QĐ - BTM của Bộ Thương Mại ngày 06/ 10/ 2004 dưới hình thức chuyên doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần.

Công ty có một truyền thống phát triển lâu dài và bền vững, tiền thân của công ty là Tổng công ty bông vải sợi được thành lập từ năm 1957 với quyết định 173 – BTN – TCCB của Bộ thương nghiệp ngày 27/ 5/ 1957; trải qua 49 năm cùng với sự biến đổi sâu sắc của nền kinh tế đất nước, ngành thương nghiệp trong đó có Công ty cổ phần vải sợi may mặc Miền Bắc cũng đã được lớn lên về nhiều mặt. Từ Tổng Công ty bông vải sợi lần lượt đổi tên thành Cục bông vải sợi (1960), Cục vải sợi may mặc (1962), Tổng công ty vải sợi may mặc (1970), Công ty vải sợi may mặc trung ương (1981), Tổng công ty vải sợi may mặc (1985), Công ty vải sợi may mặc Miền Bắc (1995) và cho tới nay là Công ty cổ phần vải sợi may mặc Miền Bắc. Đó là những sự thay đổi nhằm thích ứng với những đặc điểm, tính chất và nhiệm vụ hoạt động của Công ty trong từng thời kỳ, là những sự thay đổi trong quá trình trưởng thành và cho đến hôm nay có thể khẳng định : Sự tồn tại và phát triển của Công ty trong những năm qua là một tất yếu khách quan và đã góp phần nhất định vào việc thực hiện những mục tiêu chung của Bộ thương mại và của cả nước.

Vốn điều lệ Công ty cổ phần : 23.000.000.000 đ (hai mươi ba tỷ đồng Việt Nam), trong đó :

Tỷ lệ cổ phần Nhà nước : 35 % vốn điều lệ

Tỷ lệ cổ phần bán cho người lao động trong doanh nghiệp 56 % điều lệ

Tỷ lệ cổ phần bán ra ngoài doanh nghiệp : 9 % vốn điều lệ

Giá trị 1 cổ phần : 100.000 đồng Việt Nam

Tổng số lao động của công ty : 797 người

Để có được sự phát triển lớn mạnh như ngày hôm nay, Công ty đã phải trải qua nhiều giai đoạn đầy rẫy những khó khăn và thách thức, ở bất cứ giai đoạn nào công ty cũng luôn cố gắng để hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao:

1.1. Giai đoạn từ 1957 – 1975

Vừa phục vụ cho cuộc cải tạo, bảo vệ và xây dựng CNXH ở miền Bắc, vừa phục vụ cho công cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, giải phóng miền Nam. Trong bối cảnh đó, Tổng công ty bông vải sợi được thành lập .

Ngay từ những năm đầu của giai đoạn cải tạo XHCN, Tổng công ty bông vải sợi đã có nhiều cố gắng trong việc cải tạo, khôi phục và phát triển kinh tế, trong đó có ngành dệt, ngành thủ công nghiệp và ngành may mặc, đã vận động hình thành một khu trồng bông, hỗ trợ trực tiếp các cơ sở dệt thủ công bằng các nguồn nguyên liệu nhập khẩu từ Liên Xô và các nước khác.

Kinh doanh xuất nhập khẩu cũng đã có mầm mống từ những năm 1958- 1960, tuy với số lượng còn ít và mới chỉ uỷ thác xuất khẩu qua Tổng công ty Xuất nhập khẩu tạp phẩm, nhưng cũng đã phản ánh một hướng kinh doanh mới của Tổng công ty.

Những năm 1961 đến 1972, lực lượng vải có nhiều khó khăn do nguồn viện trợ bị giảm xuống, Tổng công ty đã tích cực hỗ trợ sản xuất và tận thu nguồn hàng trong nước để cung ứng kịp thời, đầy đủ.

Bên cạnh việc cung cấp sợi, Tổng công ty còn tổ chức tập huấn kỹ thuật cho các công ty vải sợi địa phương để phát triển ngành dệt thủ công, thu hút được lao động nhàn rỗi và tạo việc làm cho người lao động, góp phần thúc đẩy phân công lao động xã hội phát triển.

Những năm 1967- 1970 ngành may mặc phát triển mạnh, nhiều địa phương đã có tỷ trọng may mặc sẵn 30%, thậm chí có nơi lên đến 50% khối lượng vải đưa vào lưu thông.

Khi được chuyển thành Tổng công ty vải sợi may mặc (1970) để làm nhiệm vụ chuyên doanh, Tổng công ty đã bàn giao nhiệm vụ quản lý Nhà nước cho Bộ công nghiệp nhẹ và các địa phương, lúc này các tổ chức được sắp xếp lại, hoạt động theo chức năng độc lập riêng: Dệt kim, may mặc, vải sợi.

1.2. Giai đoạn 1976 – 1988:

Phục vụ cho 2 nhiệm vụ chiến lược: Xây dựng và bảo vệ tổ quốc thống nhất XHCN

Đây là thời kỳ Tổng công ty được hoạt động trong phạm vi cả nước thống nhất. Từ tháng 5/ 1978 việc hình thành thị trường tiền tệ thống nhất trong cả nước đã tạo điều kiện thống nhất giá, tiền lương và các chính sách kinh tế, tài chính khác. Các nhà máy quốc doanh được mua vật tư, bán sản phẩm qua quan hệ trực tiếp với khách hàng, không còn lệ thuộc vào các chỉ tiêu phân phối của Nhà nước. Đối với hàng công nghiệp tiêu dùng của kinh tế quốc doanh, Nhà nước giao cho thương nghiệp quốc doanh thu mua để phân phối, không cho tư thương làm. Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại nhiều mục tiêu kinh tế – xã hội chung của đất nước chưa đạt yêu cầu: sản xuất phát triển chậm, năng suất lao động thấp, bội chi ngân sách và tiền mặt, nhập siêu liên tục, giá cả biến động xấu, đời sống của người lao động ngày càng khó khăn; và đặc biệt là lạm phát trầm trọng trong những năm 1986 –1987 –1988. Trong điều kiện đó, Tổng công ty đã tìm mọi biện pháp để nắm được hàng và phân phối hàng đúng đối tượng, đã bám sát và tạo điều kiện giúp các đơn vị thương nghiệp địa phương trong hoàn cảnh thiếu vốn nặng nề để vươn lên

cùng với toàn ngành khắc phục những khó khăn chung, hoàn thành nhiệm vụ của mình.

TaiLieu.vn

Kinh nghiệm của các nước phát triển cho thấy trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp kế toán quản trị đóng vai trò rất quan trọng vì nó cung cấp thông tin cần thiết cho quá trình ra quyết định của các nhà quản trị ở các cấp. Hiệu quả của quyết định này dẫn đến thành công hay thất bại của doanh nghiệp. Do đó việc xây dựng 1 mô hình kế toán quản trị trong doanh nghiệp là điều tất yếu trong tiến trình hội nhập vào nền kinh tế thế giới.

Hiện nay, ở công ty cổ phần vải sợi may mặc Miền Bắc, mảng kế toán quản trị chưa được quan tâm đúng mức. Các báo cáo quản trị đóng vai trò hết sức quan trọng trong định hướng sản xuất kinh doanh cũng như quản lý của Công ty, nhưng chưa được coi trọng lắm. Để nâng cao hiệu quả của hoạt động kinh doanh thì trong phòng tài chính kế toán nên có thêm một bộ phận kế toán quản trị, được tổ chức thành các phần hành cụ thể, riêng biệt tùy theo nhu cầu của Công ty.

Về hệ thống tài khoản:

Công ty không đăng ký sử dụng TK 151 “ Hàng mua đang đi đường”, do vậy đến cuối kỳ hạch toán, nếu công ty đã nhận được hoá đơn mua hàng (tức là vật tư đã thuộc quyền sở hữu của Công ty) nhưng hàng còn đang trên đường vận chuyển thì phòng kinh doanh chỉ lưu chứng từ vào tập hồ sơ riêng còn phòng kế toán không hề hạch toán nghiệp vụ này cho đến khi vật tư về nhập kho Công ty. Điều này dẫn đến khoản mục “ Hàng tồn kho” trên Bảng cân đối kế toán được lập vào cuối kỳ không đúng giá trị thực tế hàng tồn kho của Công ty.

Về vấn đề tính giá vật liệu xuất kho:

Công ty đang sử dụng phương pháp hạch toán chi tiết vật liệu theo phương pháp sổ số dư, phương pháp này chỉ phù hợp với giá hạch toán nhưng thực tế Công ty lại tính giá vật liệu theo phương pháp nhập trước – xuất trước. Vì vậy, nếu công ty vẫn muốn giữ phương pháp tính giá vật liệu nhập trước –

xuất trước thì có thể thay đổi phương pháp hạch toán chi tiết vật liệu, ví dụ như phương pháp thẻ song song. Phương pháp này giảm nhẹ được công việc của thủ kho (chỉ cần theo dõi về mặt số lượng) và nhất là khi Công ty đã áp dụng hình thức kế toán máy vào hạch toán vật liệu thì phương pháp này rất thuận tiện cho kế toán hạch toán vật liệu tại phòng kế toán cho kế toán hạch toán vật liệu tại phòng kế toán bằng kế toán máy (theo dõi cả về số lượng và giá trị).

Về lao động kế toán:

Nhìn chung bộ máy kế toán của Công ty được tổ chức chặt chẽ, hợp lý, được phân công, phân nhiệm rõ ràng. Tuy nhiên cho khối lượng công việc kế toán Nguyên vật liệu tương đối lớn, hàng tháng kế toán còn phải lập nhiều bảng biểu, báo cáo lại phải kiêm luôn kế toán TSCĐ, CCDC (mà lượng tài sản cố định của Công ty cũng tương đối lớn). Do đó một người kiêm nhiệm toàn bộ sẽ khá vất vả. Em nghĩ có thể bố trí thêm 1 kế toán viên để có thể hỗ trợ thêm công tác kế toán nguyên vật liệu.